SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; Thời gian ký: 2025-02-28T14:58:15+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 391/QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 28 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển bền vững ngành Ong đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 898/QĐ-BNN-CN ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Đề án Phát triển ngành Ong đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 71/TTr-SNN ngày 21 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Phát triển bền vững ngành Ong đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Công Thương; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Cục Thú y; Chi cục Thú y Vùng VII;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án Phát triển bền vững ngành Ong đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

(Kèm theo Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định rõ nhiệm vụ, nội dung công việc gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng sở ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị có liên quan trong việc triển khai Đề án; nhằm thúc đẩy phát triển ngành Ong của tỉnh trong thời gian tới.

2. Yêu cầu

Cụ thể hoá nhiệm vụ và giải pháp của Đề án phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, gắn với trách nhiệm thực hiện của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan, phù hợp với mục tiêu các Đề án đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển bền vững, nâng cao sức cạnh tranh, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của ngành Ong; sản phẩm hàng hóa của ngành Ong bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc, thân thiện với môi trường, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2030 phát triển, duy trì khoảng 2.700 đàn Ong; năng suất mật Ong đạt khoảng 14 kg/đàn/năm; sản lượng mật Ong ổn định 37.800 tấn/năm; trong đó, xuất khẩu khoảng 10%, và tiêu dùng nội địa khoảng 90%.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao chất lượng giống Ong

a) Tuyển chọn, lai tạo nâng cao chất lượng giống Ong ngoại phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương.

b) Nhập khẩu các giống Ong ngoại có năng suất, chất lượng cao, có tính kháng bệnh để chọn tạo, nhân đàn, mở rộng quy mô nuôi ong theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung.

2. Phát triển cây thức ăn và thức ăn bổ sung cho Ong

a) Thực hiện điều tra, khảo sát về trữ lượng cây nguồn mật, cây nguồn phấn, cây nguồn mật và phấn tại các địa phương để lập kế hoạch phát triển quy mô đàn ong phù hợp với nguồn cây thức ăn, hình thành vùng nuôi ong hàng hóa phục vụ xuất khẩu.

b) Sử dụng nguồn thức ăn bổ sung, thức ăn thay thế cho Ong bảo đảm cân bằng dinh dưỡng, an toàn cho đàn ong, không tồn dư hóa chất trong sản phẩm ong mật.

3. Kiểm soát dịch bệnh, an toàn thực phẩm và nguồn gốc sản phẩm ong

a) Tổ chức kiểm tra, giám sát thú y và an toàn thực phẩm đối với các cơ sở nuôi ong, thu mua, sơ chế, chế biến mật ong phục vụ mục đích thương mại để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

b) Thực hiện kiểm soát dư lượng hóa chất, kháng sinh và các hóa dược trong sản phẩm ong bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

c) Ứng dụng các giải pháp tổng hợp để điều trị bệnh trên ong, giúp bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm ong.

d) Thực hiện chuyển đổi số, xây dựng hệ thống quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu ở các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm ong để phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc, phòng chống gian lận thương mại đối với các sản phẩm ong.

4. Đổi mới sản xuất, thương mại ngành Ong

a) Mở rộng quy mô sản xuất, ưu tiên liên kết với hợp tác xã, trang trại nuôi Ong theo chuỗi giá trị, hướng hữu cơ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, sơ chế, chế biến và thương mại hóa sản phẩm ngành ong góp phần duy trì bền vững cơ cấu tổng đàn ong mật, phù hợp với nguồn thức ăn cho ong và nhu cầu thị trường.

b) Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nuôi ong, chuyển đổi theo lộ trình từ nuôi ong thùng đơn sang nuôi ong thùng kế để nâng cao năng suất, chất lượng mật ong.

c) Tổ chức lại hệ thống thu gom, sơ chế, chế biến, chế biến sâu các sản phẩm ong theo hướng tập trung, công nghiệp gắn với vùng nuôi ong hàng hoá, bảo đảm yêu cầu về nhu cầu của thị trường.

5. Đào tạo nguồn nhân lực

a) Thực hiện đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước ngành Ong cho cán bộ quản lý nhà nước, đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ bác sỹ thú y, kỹ sư chăn nuôi thực hành về các lĩnh vực chuyên môn, quản lý trong ngành Ong.

b) Đào tạo kết hợp với nghiên cứu học tập từ những mô hình thực tế có hiệu quả; kết hợp kết nối giữa các hộ nuôi với nhau nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với nhau để thúc đẩy phát triển đàn ong mang tính bền vững.

c) Hướng dẫn các hộ nuôi lập kế hoạch cụ thể về quá trình nuôi và chăm sóc, giúp hộ nông dân tiết kiệm được thời gian, công sức nhưng dễ dàng tiếp cận các nguồn chính sách hỗ trợ một cách đạt hiệu quả trong việc duy trì phát triển đàn và năng suất sản lượng lấy mật một cách có hiệu quả.

d) Lồng ghép kinh phí từ chương trình khuyến nông, chương trình nông thôn mới ở các cấp cho hoạt động đào tạo, tập huấn, xây dựng mô hình, truyền thông về nghề nuôi Ong cho các đối tượng khác nhau, ưu tiên cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ và nông dân.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Huy động nguồn vốn:

a) Nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

b) Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

c) Nguồn vốn vay ưu đãi vốn ODA (nếu có).

d) Tổ chức, cá nhân đầu tư và các nguồn vốn hay huy động hợp pháp khác.

2. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu từ chăn nuôi

- Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cho phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản lý ngành Ong;

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến và thị trường tiêu thụ, thử nghiệm và chứng nhận sản phẩm Ong theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án Phát triển bền vững ngành Ong đến năm 2030; đồng thời, chủ động tham mưu, lồng ghép các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch này với các chương trình, đề án, dự án khác để triển khai thực hiện.

b) Chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi việc triển khai thực hiện Kế hoạch này tại các địa phương; định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện; đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền; bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức đặt hàng, tuyển chọn các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất liên quan để hỗ trợ phát triển ngành Ong theo nội dung kế hoạch.

3. Sở Tài chính:

Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị có liên quan trong Kế hoạch và khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền bố trí và phân bổ kinh phí theo phân cấp ngân sách để thực hiện Kế hoạch đúng pháp luật.

4. Sở Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách thương mại, xúc tiến thương mại và hội nhập kinh tế để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm mật ong của tỉnh đến với thị trường trong nước và tiến tới xuất khẩu.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Thực hiện khảo sát, điều tra về trữ lượng cây nguồn mật, cây nguồn phấn, cây nguồn mật và phấn ở địa phương để lập kế hoạch phát triển quy mô đàn ong phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện rà soát, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Ong để phục vụ truy xuất nguồn gốc.

c) Thực hiện kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với cơ sở nuôi ong, thu mua, sơ chế, chế biến mật ong phục vụ mục đích thương mại.

d) Phân công cơ quan, đơn vị đầu mối chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương và thực hiện chế độ báo cáo (định kỳ hoặc đột xuất) gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc các địa phương, đơn vị gửi văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./.